

Bản án số: 71/2019/HSST
Ngày: 08-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lâm và ông Phạm Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 71/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Châu Thị N - sinh năm: 1977 tại Kiên Giang; nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã H, huyện V, thành phố N; tạm trú: Số 64 đường T, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; con ông C và bà Đ; đã có chồng và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2019 đến ngày 18/6/2019, hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn R - sinh năm: 1984 tại Hậu Giang; nơi ĐKNKTT: Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh H; tạm trú: Số 131 đường D, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; con ông N (c) và bà P (s); Vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2019 đến ngày 01/7/2019, hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn Đ - sinh ngày: 30/4/2000 tại Hậu Giang; nơi ĐKNKTT: Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh H; tạm trú: Số 131 đường D, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; nghề nghiệp: Không; con ông (không rõ) và bà H (s); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2019 đến ngày 01/7/2019, hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn T - sinh năm: 1986 tại Đồng Tháp; nơi ĐKKHKT: Ấp B, xã A, huyện N, tỉnh T; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; con ông C1 (s) và bà P1 (c); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/6/2019 bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội "Chứa mại dâm" tại bản án số 32/2019/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2019 (có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng*: Bà K - sinh năm: 1986; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện E, tỉnh V; tạm trú: Số 131 đường C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 10 phút ngày 16/04/2019, Cơ quan Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang tại phòng 404 nhà nghỉ KL địa chỉ đường N, phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng do bà Phạm Thị B làm chủ có 01 sòng bạc gồm 04 đối tượng đang đánh bạc trái phép với hình thức chơi “*bài binh điểm 06 lá*” được thua bằng tiền. Các đối tượng tham gia đánh bạc bị phát hiện bắt quả tang tại sòng bạc gồm: T, R, Đ và N. Tại thời điểm bắt quả tang Công an thu giữ được trực tiếp trên sòng bạc số tiền 7.400.000đ (*bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*), 02 bộ bài Tây đã qua sử dụng và 11 bộ bài Tây chưa sử dụng.

Cách thức các bị cáo đánh bạc cụ thể như sau: Những người chơi thống nhất với nhau mỗi người được cầm cái 03 ván và luân phiên nhau. Người cầm cái sử dụng 01 bộ bài Tây 52 lá, chia mỗi người chơi 06 lá bài để chia làm 02 chi, mỗi chi 03 lá để tính điểm mỗi chi. Các quân bài từ quân A (quân át) đến quân 10 được tính tương ứng từ 01 điểm đến 10 điểm; các quân bài J, Q, K được tính 10 điểm. Điểm của mỗi chi bài là số điểm lẻ được lấy từ tổng điểm của các lá bài trong mỗi chi, tương ứng từ 01 điểm đến 09 điểm. Trường hợp chi bài được thành lập từ các lá bài J, Q, K thì gọi là “*03 Tây*” và được tính lớn nhất, trường hợp

tổng điểm của chi bài là 10 hoặc 20 hoặc 30 điểm thì gọi là “bù” và được tính thấp nhất. Sau đó, người chơi sẽ đặt cược tiền và tiến hành so bài của mình với người cầm cái để tính thắng thua, số tiền đặt cược tùy thuộc vào mỗi người chơi và được quy ước từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Nếu người chơi thắng 1 chi và thua 1 chi hoặc bằng điểm với người cầm cái thì hòa nhau.

Quá trình điều tra xác định T, R, Đ và N đánh bạc trong khoảng thời gian từ 03 giờ 30 phút đến 09 giờ 10 phút ngày 16/4/2019 thì bị bắt quả tang, số tiền T, R, Đ và N sử dụng vào mục đích đánh bạc, cụ thể như sau:

- T khai mang theo số tiền 2.640.000đ sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T thắng được 1.000.000 đồng; tạm giữ của T tổng cộng 3.640.000đ (*ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó có 3.500.000đ trên sòng bạc và 140.000 đồng trong ví.

- R khai mang theo số tiền 3.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, R thua 400.000 đồng; tạm giữ của R tổng cộng 2.600.000đ (*hai triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó có 1.200.000đ trên sòng bạc và 1.400.000đ trong ví.

- Đ khai mang theo số tiền là 3.920.000 đồng, Đ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Đ thắng được 400.000 đồng; tạm giữ của Đ tổng số tiền 4.320.000đ (*bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*), trong đó có 900.000đ thu giữ được trên sòng bạc và 3.420.000đ trong ví.

- N khai mang theo số tiền khoảng hơn 20.000.000 đồng và lấy ra số tiền khoảng hơn 2.500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc cho đến thời điểm bắt quả tang, N thua tiền; tạm giữ của N tổng số tiền 19.040.000đ (*mười chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó có 1.800.000đ thu giữ được trên sòng bạc và 17.240.000đ trong ví. N không thừa nhận sẽ sử dụng số tiền 17.240.000đ vào mục đích đánh bạc, vì trong đó có 15.000.000đ là số tiền do chị Nguyễn Thu H (*sinh năm: 1990 ; HKTT : Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang*) nhờ N giữ hộ; số tiền 2.240.000 đồng do N tích góp được dùng để tiêu xài cá nhân.

* *Vật chứng tạm giữ:*

- Tổng số tiền mặt: 29.600.000đ (*hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng. Đây là điện thoại R sử dụng để liên lạc cá nhân;
- 02 bộ bài Tây đã qua sử dụng và 11 bộ bài Tây chưa sử dụng.

Từ những nội dung trên tại Cáo trạng số: 74/CT-VKS ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo T, R, N và Đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc".
- Áp dụng các điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự đề nghị tổng hợp mức hình phạt 10 tháng 04 ngày tù bị cáo còn phải chấp hành theo bản án hình sự số: 32/2019/HSST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
- Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt tiền bị cáo R từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.
- Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt tiền đối với bị cáo Đ từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.
- Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt tiền đối với bị cáo N từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng như sau:
 - + Tịch thu sung công quỹ số tiền 8.940.000 đồng mà các bị cáo dùng để đánh bạc.
 - + Trả lại cho Đ số tiền 3.420.000 đồng.
 - + Trả lại cho N số tiền 17.240.000 đồng.
 - + Trả lại cho R 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo được sửa chữa lỗi lầm và giúp đỡ gia đình, sống có ích cho xã hội.

Người làm chứng chị K trình bày: Vào khoảng 08h30' ngày 16/4/2019, bị cáo R (đang sống chung như vợ chồng) nhắn tin nói rằng đang đánh bạc tại nhà nghỉ KL và đã thua 20.000.000đ, đồng thời nhờ chị K mua cơm cho những người cùng chơi nên chị K đồng ý và mua 05 suất cơm mang đến. Khi chị K đang ngồi ăn cơm và xem đánh bài thì Công an vào bắt quả tang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 20h30' ngày 15/4/2019, các bị cáo N, R, Đ thuê 02 phòng số 403 và số 404 của nhà nghỉ KL tại số 697 đường N, phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng rồi tập trung tại phòng số 404 để đánh bạc dưới hình thức chơi “*bài binh điểm 06 lá*” thắng thua bằng tiền với mỗi ván từ 50.000đ đến 200.000đ. Đến khoảng 03h00' ngày 16/4/2019, T điện thoại cho N thì được biết N đang chơi bài ăn tiền nên đến thuê phòng số 202 nhưng không ở mà lên phòng số 404 cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 09h15' ngày 16/4/2019, các bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê bắt phạm tội quả tang, thu giữ tại chiếu bạc tổng số tiền 7.400.000đ, thu giữ trong ví của N 17.240.000 đ, thu giữ trong ví của Đ 3.420.000đ, thu giữ trong ví của R 1.400.000đ và thu giữ trong ví của T 140.000đ.

[2] Hành vi trên đây của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 74/CT-VKS ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, Cáo trạng xác định tổng số tiền dùng đánh bạc trong vụ án là 8.940.000đ, bao gồm tiền thu trên chiếu bạc và tiền có trong ví của R và T, và khẳng định N và Đ không sử dụng số tiền có trong ví để đánh bạc. Trong vụ án này, các bị cáo tham gia đánh bạc không thống nhất thua đến số tiền bao nhiêu của mỗi người mang theo thì kết thúc đánh bài; các bị cáo đánh bài liên tục trong khoảng thời gian từ 21h ngày hôm trước đến 09h15' ngày hôm sau cho đến khi bị bắt phạm tội quả tang; khoảng 08h30' ngày 16/4/2019, R nhắn tin cho chị K (là người sống chung như vợ chồng với R) với nội dung R đã thua bạc hết 20.000.000đ và nhờ K mua cơm cho tất cả 04 người cùng đánh bạc nên K đã mua cơm mang đến chỗ các bị cáo; như vậy, sự việc thể hiện các bị cáo đều quyết tâm sát phạt, ăn thua tiền với nhau đến cùng. Việc căn cứ vào lời khai của N và Đ để khẳng định 02 bị cáo chỉ dùng tiền trên chiếu bạc của mỗi bị cáo (1.800.000đ của bị cáo N và 900.000đ của bị cáo Đ) để đánh bạc và đã không sử dụng hoặc sẽ không sử dụng số tiền có trong ví để tiếp tục đánh bạc khi thua hết tiền trên chiếu bạc là chưa thỏa đáng, không phù hợp với tính chất, diễn biến của vụ án, lời khai của người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định tổng số tiền dùng đánh bạc trong vụ án này là 29.600.000đ, bao gồm tiền thu giữ trên chiếu bạc và tiền thu giữ trong ví của các bị cáo.

[3] Hành vi trên đây của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình

hình an ninh xã hội tại địa phương. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử để áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm răn đe, giáo dục riêng và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của mỗi bị cáo thì thấy: Bị cáo N và bị cáo R có vai trò lớn nhất, chính bị cáo R là người khởi xướng và cùng bị cáo N đi mua 13 bộ bài để sử dụng, bị cáo N là người lôi kéo bị cáo T cùng đánh bạc và cũng là người có số tiền đánh bạc bị thu giữ nhiều nhất. Đối với bị cáo T là người tham gia đánh bạc sau cùng, có số tiền đánh bạc bị thu giữ ít hơn bị cáo Đ nhưng về nhân thân, bị cáo T là người có nhân thân xấu, khi tham gia đánh bạc, bị cáo là người đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng khởi tố điều tra về tội "Chứa mại dâm" nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng đối với bị cáo T và bị cáo Đ có cùng mức hình phạt và nhẹ hơn mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo N và bị cáo R.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà các bị cáo được hưởng. Mặt khác, đây là lần đầu các bị cáo N, R và Đ phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi 02 con nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét thấy các bị cáo N, R và Đ có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên đối với các bị cáo không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo mà giao bị cáo về địa phương nơi đang cư trú để giám sát, giáo dục theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự là phù hợp. Riêng đối với bị cáo T phải áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt 10 (mười) tháng 04 (bốn) ngày tù mà bị cáo còn phải chấp hành của bản án số: 32/2019/HSST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, sung công quỹ Nhà nước số tiền 29.600.000đ mà các bị cáo dùng đánh bạc; tịch thu tiêu

hủy 02 bộ bài tây đã qua sử dụng và 11 bộ bài tây chưa qua sử dụng đã thu giữ tại sòng bạc; trả lại cho R 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng (các vật chứng hiện được Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/7/2019 và biên lai thu tiền ký hiệu số: AA/2010 ngày 05/7/2019).

[8] *Về áp dụng hình phạt bổ sung*: Các bị cáo đều không có điều kiện về kinh tế, không có nghề nghiệp, chưa có việc làm, không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[9] *Về án phí*: Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[11] Ngoài ra, trong vụ án này có chị Nguyễn Thu H (sinh năm: 1990, nơi ĐKNKTT: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang) khai có nhờ bị cáo N giữ hộ số tiền 15.000.000đ và hiện nay gia đình bị cáo đã trả lại cho chị H. Xét thấy đây là quan hệ dân sự giữa chị H và bị cáo N, không liên quan trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 65 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự; Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Các bị cáo N, R, Đ, T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày 08/8/2019.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo R 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày 08/8/2019.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng, tính từ ngày 08/8/2019.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo R và bị cáo D cho Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo N, R, Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, được trừ đi thời hạn tạm giam mà mỗi bị cáo đã bị tạm giam trong vụ án.

- Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T 09 (*chín*) tháng tù; áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 10 (*mười*) tháng 04 (*bốn*) ngày tù mà bị cáo còn phải chấp hành tại bản án số: 32/2019/HSST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; tổng hợp hình phạt chung của cả 02 bản án buộc bị cáo phải chấp hành là 19 (*mười chín*) tháng 04 (*bốn*) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2019.

2. Sung công quỹ Nhà nước số tiền 29.600.000đ (*hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) mà các bị cáo dùng đánh bạc (trong đó: 19.040.000đ của N, 2.600.000đ của R, 3.640.000đ của T và 4.320.000đ của Đ); tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây đã qua sử dụng và 11 bộ bài tây chưa qua sử dụng đã thu giữ tại sòng bạc; trả lại cho R 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng (các vật chứng hiện được Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/7/2019 và biên lai thu tiền ký hiệu số: AA/2010 ngày 05/7/2019).

3. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 08/8/2019).

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT CA quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Các bị cáo (bản sao);
- UBND phường H;
- UBND phường M;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tuấn